

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**

Ngày: 11/02/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 32/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2021/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 22 đường N, Phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N- Chức vụ: Phó giám đốc Khối Q (Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/06/2020).

Địa chỉ: Lầu 2, số 264, đường L, phường 14, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Ủy quyền lại:

Huỳnh Cảnh K, chức vụ: Chuyên gia tổ tụng, vắng mặt

Trần Phương K, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng, có mặt

Cùng địa chỉ: Lầu 6, số 131 đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ;

2. Bị đơn:

Lương Minh T, sinh năm 19xx, vắng mặt

Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 19xx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Phương K trình bày: Ngày 29/12/2016, ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 cùng Ngân hàng T ký kết Hợp đồng cho vay số 529/2016/HĐTD/PVB-CN.TG cùng khế ước nhận nợ 276/KV-PVB để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, mục đích vay mua xe ô tô. Để bảo đảm cho khoản vay, ông T và bà T1 đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 529/2016/HĐBĐ/PVB-CN.TG ngày 29/12/2016, thế chấp tài sản xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển số 63A-059.18, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012154 do CA tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/12/2016 cho ông Lương Minh T. Quá trình thực hiện ông T và bà T1 không trả nợ như cam kết trong Hợp đồng. PVcomBank đã gửi nhiều thông báo, công văn và làm việc trực tiếp yêu cầu ông T và bà T1 trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm cho PVcomBank xử lý theo quy định. Ngày 15/06/2020, PVcomBank đã xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp, thu hồi nợ gốc trong hạn và một phần gốc quá hạn lãi của khoản vay. Tính đến ngày Tòa xét xử ông T và bà T1 còn nợ số tiền gốc trong hạn là 135.194 đồng, gốc quá hạn là 16.668.000 đồng, lãi trong hạn 177 đồng, lãi quá hạn 167.274.526 đồng, lãi chậm trả 51.481.642 đồng, tổng cộng 235.559.539 đồng.

Vào ngày 29/08/2017, ông Lương Minh T cùng Ngân hàng T ký kết Hợp đồng hạn mức thấu chi số 646/2017/HĐTD/PVB-CNTG với hạn mức 58.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng. Dư nợ hạn mức thấu chi cập nhật trên hệ thống phần mềm của

ông Lương Minh T tính đến ngày Tòa xét xử như sau: Nợ gốc quá hạn 58.000.000 đồng, lãi quá hạn 42.265.306 đồng, lãi chậm trả 1.140.970 đồng, tổng cộng là 101.406.276 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông T và bà T1 liên đới thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vay mua xe ô tô và vay hạn mức thấu chi còn nợ là 74.803.194 đồng, lãi tính đến ngày xét xử (11/02/2022) là 262.162.621 đồng, tổng cộng 336.965.815 đồng, yêu cầu ông T và bà T1 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 12/02/2022 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 529/2016/HĐTD/PVB-CN.TG ngày 29/12/2016 cho đến khi ông T và bà T1 thanh toán xong khoản nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ trả Ngân hàng T số tiền vốn là 74.803.194 đồng cùng lãi suất tính đến ngày 11/02/2022, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 12/02/2022 ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 đã được triệu tập phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà T1.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng T. Chứng cứ Ngân hàng cung cấp: Hợp đồng cho vay số 529/2016/HĐTD/PVB-CN.TG và khế ước nhận nợ 276/KV-PVB ngày 29/12/2016; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 646/2017/HĐTD/PVB-CNTG và Cam kết tắt toàn hạn mức thấu chi ngày 29/8/2017, thể hiện nội dung thỏa thuận xác lập quan hệ vay tài sản giữa ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 với Ngân hàng T theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1, nhưng ông T và bà T1 không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ trả tiền. Chúng tôi ông T và bà T1 thừa nhận nợ như Ngân hàng trình bày. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày xét xử (11/02/2022) tổng cộng là 336.965.815 đồng, theo Hợp đồng cho vay số 529/2016/HĐTD/PVB-CN.TG và khế ước nhận nợ 276/KV-PVB ngày 29/12/2016; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 646/2017/HĐTD/PVB-CNTG và Cam kết tắt toán hạn mức thấu chi ngày 29/8/2017. Nên theo quy định Điều 466 và Điều 288 Bộ luật dân sự, ông T và bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho Ngân hàng T. Ngân hàng yêu cầu ông T và bà T1 phải trả số tiền nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Bởi lẽ, trong quan hệ vay ông T và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi ông T và bà T1 thanh toán nợ xong, phù hợp Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Quá trình thực hiện hợp đồng tài sản thế chấp đã được xử lý xong. Ngân hàng không yêu cầu về tài sản thế chấp, nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng T được chấp nhận toàn bộ, nên ông T và bà T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 288 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng T số tiền 336.965.815 (*Ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm mười lăm*) đồng (Gồm: Vốn vay 74.803.194 đồng, lãi 262.162.621 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 12/02/2022 ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 529/2016/HĐTD/PVB-CN.TG ngày 29/12/2016; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 646/2017/HĐTD/PVB-CNTG ngày 29/8/2017.

Án phí sơ thẩm: Ông Lương Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.848.000 (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn*) đồng. Ngân hàng T không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 7.548.000 (*Bảy triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn*) đồng theo biên lai thu số 0018523 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Vui

Nguyễn Văn Tâm

Trần Văn Dũng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Thúy

Đặng Bình Thủy

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Văn Dũng

